

Phụ lục 01:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1973/GPMT-UBND ngày 13/6/2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI.

1. Nguồn phát sinh nước thải.

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của nhân viên và khách hàng.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động rửa xe.

1.3. Nguồn số 03: Nước thải rửa sàn, lau chùi vệ sinh công nghiệp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải.

2.1. Dòng nước thải: Một (01) dòng nước thải ra môi trường.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ ga thu gom nước thải phía Tây khu đất giáp đường Quốc lộ 1A thuộc địa phận phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2.3. Vị trí xả nước thải:

a) Vị trí xả thải: 01 vị trí xả thải tại cửa xả nước thải sau xử lý chảy vào nguồn tiếp nhận là tuyến công thu gom nước thải phía Tây khu đất giáp đường Quốc lộ 1A thuộc phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

b) Tọa độ vị trí xả thải của dự án (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$, múi chiếu 3°):

$$X = 2417034; \quad Y = 450518$$

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $10\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ với $0,417\text{m}^3/\text{giờ}$.

2.5. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.6. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục (24 giờ).

2.7. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về nước thải sinh hoạt và QCVN 40:2011/BTNMT, cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp cụ thể như sau:

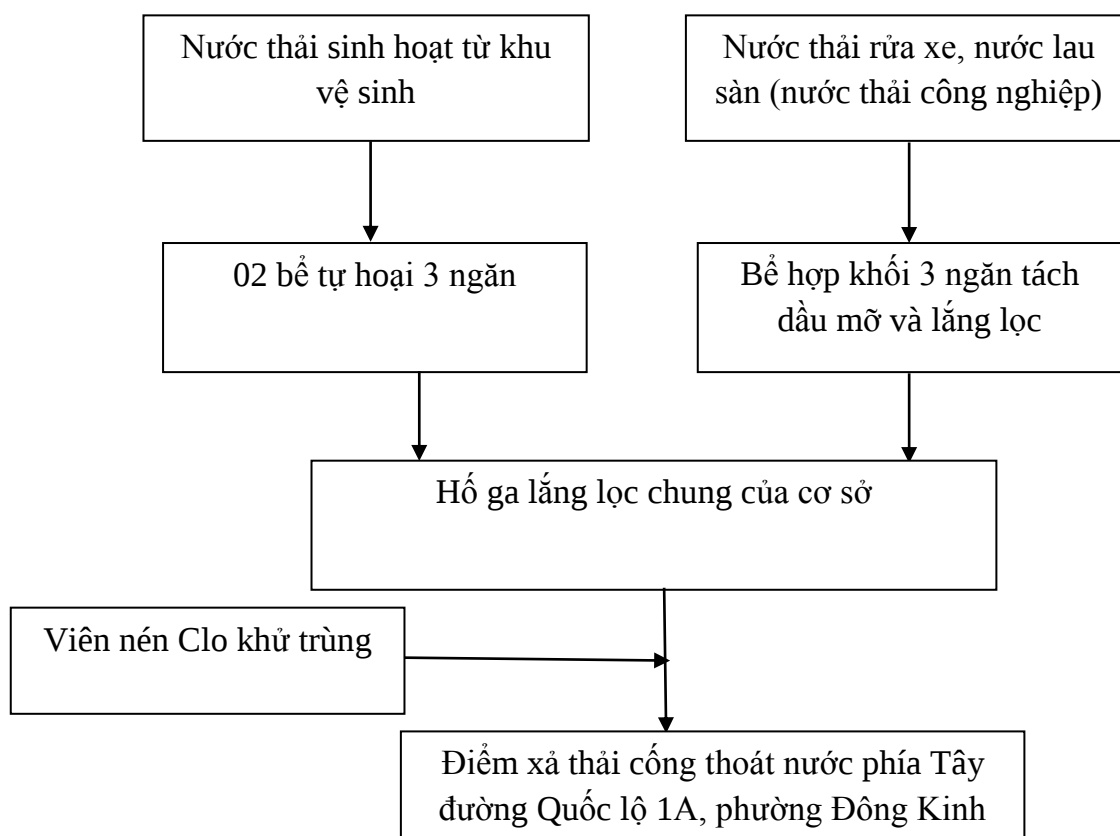
TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
Đối với nước thải công nghiệp áp dụng QCVN 40:2011/BTNMT, cột B					
1	Độ màu	Pt/Co	150		
2	COD	mg/l	150		
3	Tổng N	mg/l	40		

4	Tổng P	mg/l	6,0	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10		
Đối với nước thải sinh hoạt áp dụng QCVN 14:2008/BTNMT, cột B với K = 1,2					
1	pH	-	5 - 9		
2	BOD ₅	mg/l	60		
3	TSS	mg/l	120		
4	TDS		1.200		
5	Sunfua (theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	24		
9	Phosphat (theo P)	mg/l	12		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
11	Tổng coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải.

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải được thể hiện qua sơ đồ sau:



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải.

+ Nước thải sinh hoạt (nhà vệ sinh) → Bể tự hoại 3 ngăn → Ngăn 1 (điều hòa, lắng và phân hủy sinh học) → Ngăn 2 (phân hủy chất hữu cơ trong điều kiện yếm khí) → Ngăn 3 (lắng) → Hồ ga lắng lọc → Nước thải sau xử lý.

+ Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất → Song chắn rác → Bể lắng tách dầu 3 ngăn → Hồ ga lắng lọc → Nước thải sau xử lý.

+ Công suất thiết kế bể tự hoại: 20m³.

+ Công suất bể hợp khối 3 ngăn tách dầu mỡ: 2,0m³.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: men vi sinh, viên nén Clo. Bổ sung định kỳ 1 lần/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

- Chủ cơ sở sẽ thường xuyên kiểm tra hiện trạng đường cống gom nước thải. Trong trường hợp hệ thống thu gom nước thải gặp sự cố đập vỡ, tắc nghẽn nước thải không tiêu thoát được khi đó chủ cơ sở sẽ liên hệ ngay với các đơn vị sửa chữa để khắc phục kịp thời trong 24h. Không để nước thải tràn lên mặt sân, đường ảnh hưởng đến môi trường và mỹ quan khu vực.

- Sử dụng nước tiết kiệm đảm bảo theo đúng thiết kế của các công trình thu gom xử lý nước thải. Cam kết không sử dụng nước và xả nước thải vượt quá khối lượng xin cấp phép.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm đối với nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Lập sổ nhật ký, ghi chép theo dõi việc vận hành công trình xử lý nước thải theo quy định.

3.3. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, giám sát việc vận hành, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị, các công trình xử lý nước thải của dự án để tránh xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý nước thải.

Phụ lục 02:**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀO MÔI TRƯỜNG VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1973/GPMT-UBND ngày 13/6/2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải**

Nguồn số 01: Khí thải sau xử lý của ống phóng không buồng sơn

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí

Dòng khí thải: Một (01) dòng khí thải ra môi trường.

2.1. Vị trí xả khí thải:

a) Vị trí xả thải: Ống phóng không khu vực buồng sơn sau xử lý vào môi trường không khí xung quanh thuộc phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

b) Tọa độ vị trí xả thải của dự án (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$, múi chiếu 3°):

$$X = 2417011; \quad Y = 450627$$

2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $10.000\text{m}^3/\text{h}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả thải gián đoạn.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về môi trường đối với bụi, khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải đối với các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các chất hữu cơ bay hơi.

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép
1	Lưu lượng	m^3/h .	-
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	100
3	CO	mg/Nm^3	600
4	NO ₂	mg/Nm^3	510
5	SO ₂	mg/Nm^3	250
6	Benzen	mg/Nm^3	5
7	Toluen	mg/Nm^3	750

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom, xử lý khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Buồng sơn được thiết kế với kích thước ngoài là 8200 x 4000 x 3400mm (có thể thay đổi do thay đổi vị trí quạt hút), kích thước trong là 6900 x 3900 x 2600 mm. Vách phòng sơn được cấu tạo bằng vật liệu Panel (dày 50mm, lắp ghép xếp liền với nhau và được cố định trên dây U53mm, hộp kim nhôm định hình), gồm 3 lớp, 02 lớp tôn mạ màu dày 0,35mm đảm bảo chống ăn mòn và oxi hóa, 01 lớp xốp EPS có tác dụng cách nhiệt, cách âm.

Tại công đoạn phun sơn sẽ làm phát tán một lượng bụi lớn và các sol khí chứa dung môi hữu cơ như: Toluen, benzen Kết cấu phòng sơn gồm có hệ thống lọc trần và lọc sàn với chất liệu bông thủy tinh, được đặt dưới song chắn bằng sắt phía dưới sàn. Không khí sau khi lọc qua phin lọc sàn được đưa qua hệ thống màng lọc than hoạt tính. Màng lọc than hoạt tính có tác dụng hấp thụ các dung môi hữu cơ bay hơi phát sinh trong quá trình sơn. Quạt gió cấp và hút khí sẽ hoạt động, tạo ra dòng khí thải với lưu lượng là 10.000 m³/giờ. Chiều dài ống thoát khí khoảng 10m, đường kính 220mm/ống.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải.

Khi phòng sơn hoạt động, bộ hút mô tơ kết hợp bộ lọc than hoạt tính hoạt động để hỗ trợ hút gió trong buồng sơn thổi ra môi trường ngoài mạnh hơn.

Gió đi qua các bộ lọc bông (bụi, cặn sơn được giữ lại) → tới lõi lọc của bộ lọc than hoạt tính (hấp phụ VOCs và dung môi sơn) → tiếp tục đi qua lớp than hoạt tính → đi qua cánh quạt mô tơ → thổi gió sạch ra môi trường bên ngoài.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

Không có.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

- Chủ cơ sở tiến hành thay lọc trần phòng sơn và vệ sinh quạt hút phòng sơn tần suất 6 tháng/lần. Trong trường hợp phòng sơn gặp sự cố hệ thống xử lý khí thải không hoạt động chủ cơ sở sẽ liên hệ ngay với các đơn vị sửa chữa để khắc phục kịp thời trong 24h. Tạm thời cho ngừng hoạt động của phòng sơn.

- Trường hợp sự cố khí thải không được xử lý gây ảnh hưởng đến môi trường chủ cơ sở sẽ thông báo đến UBND phường Đông Kinh và phối hợp với chính quyền địa phương khắc phục sự cố, đền bù thiệt hại nếu có. Chủ cơ sở cam kết không xả khí thải vượt quá lưu lượng xin cấp phép.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm đối với khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Lập sổ nhật ký, ghi chép theo dõi việc vận hành công trình xử lý khí thải theo quy định.

3.3. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, giám sát việc vận hành, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị, các công trình xử lý khí thải của cơ sở để tránh xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý khí thải.

Phụ lục 03**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1973/GPMT-UBND ngày 13/6/2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn**

- Hoạt động của máy móc thiết bị sửa chữa bảo dưỡng ô tô: Khu vực thử máy nổ, gầm máy.

- Phương tiện giao thông của người lao động làm việc tại cơ sở, phương tiện giao thông của khách hàng ra vào cơ sở.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn

Theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiều 3° :

$$X = 2417012$$

$$Y = 450603$$

3. Giá trị giới hạn của tiếng ồn, độ rung

Về tiếng ồn: Tiếng ồn phát sinh đảm bảo không vượt quá tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc và QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn khu vực thông thường, cụ thể như sau:

TT	Giá trị giới hạn tiếng ồn tại nơi làm việc (QCVN 24:2016/BYT)	Giá trị giới hạn tiếng ồn khu vực thông thường (QCVN 26:2010/BTNMT)
1	85 (dBA)	70 (dBA)

Về độ rung: Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	
1	70	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

+ Tường xây bao quanh nhà xưởng được xây gạch độ dày 10cm, tại những vị trí tiếp giáp với các bên xưởng sản xuất khác được bịt kín để giảm thiểu tiếng ồn. Tại các khu vực thường xuyên phát sinh tiếng ồn được bố trí máy móc ở giữa xưởng, công nhân làm việc được trang bị nút bịt tai.

+ Máy móc phục vụ sửa chữa bảo dưỡng xe ô tô được kiểm tra định kỳ. Không sử dụng các thiết bị máy móc cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao và ảnh hưởng đến người lao động.

+ Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

+ Kiểm soát vận tốc và khoảng cách giữa các xe ra vào khu vực xưởng bảo dưỡng, tốc độ tối đa là 5km/h theo sự hướng dẫn của bảo vệ.

+ Biện pháp dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như gối đàn hồi kim loại, đệm đàn hồi kim loại, gối đàn hồi cao su, đệm đàn hồi cao su...

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 04
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1973/GPMT-UBND ngày 13/6/2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn)

I. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên của Cơ sở được thể hiện trong bảng sau.

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (R/L/B)	Số lượng Kg/năm	Mã CTNH	Phương án xử lý	Mức độ xử lý
1	Dầu thải, nhớt động cơ thải	L	16.400	17 02 04	Thu gom và thuê đơn vị có đủ chức năng, vận chuyển xử lý	100%
2	Lọc dầu, lọc gió thải	R	626	15 01 02		100%
3	Bao bì nhựa cứng thải dính TPNH	R	142	18 01 03		100%
4	Giẻ lau dính TPNH	R	534	18 02 01		100%
5	Bao bì kim loại dính TPNH	R	657	18 01 02		100%
6	Kính thủy tinh thải, bóng đèn huỳnh quang thải	R	981	16 01 06		100%
7	Dầu thải, mỡ thải các loại	R	200	16 01 08		

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.

- Loại chất thải: Săm, lốp xe ô tô, kính vỡ, bao bì thải không chứa thành phần nguy hại.

- Tổng khối lượng phát sinh: khoảng 260 kg/tháng

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ cơ sở khoảng 840kg/tháng, tương đương 32,3kg/ngày. Thành phần rác thải sinh hoạt chủ yếu là các chất thải hữu

cơ có nguồn gốc từ thực phẩm và chất thải vô cơ.

1.4. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.

Khối lượng phát sinh khoảng 50kg/tháng thực hiện phân tích ngưỡng chất thải nguy hại để có biện pháp xử lý tương ứng, cụ thể:

- Trường hợp bùn thải thuộc danh mục chất thải nguy hại, chủ dự án sẽ thực hiện thu gom, lưu chứa và thuê đơn vị đến vận chuyển, xử lý như chất thải nguy hại.

- Trường hợp bùn thải không thuộc danh mục chất thải nguy hại, chủ dự án sẽ thực hiện thu gom và xử lý như chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại.

- Khu vực lưu chứa trong nhà: Ngăn lưu trữ CTNH được đặt ở phía sau khu vực rửa xe.

- Diện tích khu vực lưu chứa: có diện tích 15,0m².

- Thiết bị lưu chứa: 07 thùng chứa loại 50L (320x270x390mm) và 01 can 30L (292x253x383mm) tương ứng với 7 loại mã CTNH phát sinh.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Toàn bộ rác thải sinh hoạt được thu gom, tập kết vào các thùng chứa chuyên dụng loại 10 lít/thùng, có nắp đậy kín được đặt tại khu vực văn phòng làm việc, nhà ăn, nhà vệ sinh.

- Cuối ngày, nhân viên vệ sinh tại Cơ sở thu gom toàn bộ CTRSH đến vị trí tập kết để đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển theo quy định. Tần suất vận chuyển là 01 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Chủ dự án có trách nhiệm đảm bảo an toàn và thực hiện các phương án phòng chống, biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất, cháy nổ, sự cố hệ thống xử lý nước thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường và phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 123 và Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.

Phụ lục 05**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1973/GPMT-UBND ngày 13/6/2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn)*

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả quản lý, sử dụng. Giảm thiểu xả nước thải thông qua tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước.
3. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định.
4. Thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý chất thải phát sinh đảm bảo không xả thải chất thải khi chưa được xử lý đạt quy chuẩn ra ngoài môi trường.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng cháy, chữa cháy, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;..... Đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.
7. Chủ dự án chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ về các nội dung, thông tin tài liệu xin cấp giấy phép; thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.